TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 156/2019/QĐST-HNGĐ	*Liên Chiểu, ngày 14 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Công văn số 310/TANDTC – PC ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản thuận tình ly hôn do Trung tâm hòa giải – đối thoại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng lập ngày 06 tháng 8 năm 2019;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 275/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông **Thái Minh N** – Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 02 Trung Nghĩa, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Võ Thị T** – Sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 02 Trung Nghĩa, phường H, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T kết hôn năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Châu, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông Thái Minh N và bà Võ Thị T về sinh sống tại tổ 01 Đa Phước, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau này, vợ chồng ông N , bà T chuyển về sống tại tổ 02 Trung Nghĩa, phường H , quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp và luôn bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc nhau khiến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay, ông Thái Minh N và bà Võ Thị T xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông Thái Minh N và bà Võ Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và cả hai tự nguyên ly hôn. Do đó, áp dụng Điều 55 Luật HNGĐ chấp nhận yêu cầu của ông Thái Minh N và bà Võ Thị T về việc "Công nhận sự thuận tình ly hôn".

[2] Về con chung: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T xác nhận có 02 con chung tên Thái Minh N1 – Sinh ngày 10.5.2001 và Thái Minh P – Sinh ngày 25.12.2005. Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T thống nhất thỏa thuận:

Bà Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thái Minh P – Sinh ngày 25.12.2005 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Thái Minh N không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Thái Minh N1 – Sinh ngày 10.5.2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông N và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi chính đáng của các con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T xác nhận không có.

[5] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (b*a trăm nghìn đồng*) ông Thái Minh N và bà Võ Thị T phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân*:* Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 42 cấp ngày 06.5.2002 của Ủy ban nhân dân phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T xác nhận có 02 con chung tên Thái Minh N1 – Sinh ngày 10.5.2001 và Thái Minh P – Sinh ngày 25.12.2005. Ông N và bà T thống nhất thỏa thuận:

Bà Võ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Thái Minh P – Sinh ngày 25.12.2005 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Thái Minh N không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Thái Minh N1 – Sinh ngày 10.5.2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên ông N và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Thái Minh N và bà Võ Thị T xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng y*) ông Thái Minh N và bà Võ Thị T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006338 ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hồng Thủy